

Số: /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

**Đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Xử lý sạt lở
và đắp hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Hoàng (đoạn K3+200 - K4+450),
xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Văn bản số 5052/UBND-THKH ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình quyết định chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công do tỉnh quản lý;

Căn cứ Văn bản số 2469/SKHĐT-TH ngày 08/5/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn một số nội dung về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương, điều chỉnh chủ trương đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 16837/UBND-KTTC ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện rà soát, đánh giá kế hoạch đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình hồ đập, đê địa phương sử dụng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế 2022-2025;

UBND huyện Triệu Sơn báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư công trình: Xử lý sạt lở và đắp hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Hoàng (đoạn K3+200 - K4+450), xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH:

1. Tên công trình: Xử lý sạt lở và đắp hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Hoàng (đoạn K3+200 - K4+450), xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn.

2. Dự án (công trình): Nhóm C; công trình cấp IV.

3. Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Thanh Hoá.

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng).

7. Nguồn vốn: Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn vốn an toàn hồ đập và xử lý đê địa phương.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2022.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÔNG TRÌNH:

1. Sự cần thiết phải đầu tư:

Tuyến đê tả sông Hoàng đoạn K3+200 - K4+450 là đê cấp IV, thuộc địa phận xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn cách trung tâm Thành phố Thanh Hoá khoảng 20 km về phía Tây Bắc. Công trình có nhiệm vụ đảm bảo an toàn 45ha diện tích đất nông nghiệp, giao thông đi lại phục vụ sản xuất, nâng cao năng suất, cải thiện đời sống của nhân dân, góp phần ổn định tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa và an ninh trật tự xã hội.

Hiện tại đoạn đê tả sông Hoàng (từ K3+200 - K4+450), xã Dân Quyền dài L=1.250m là đoạn đê có dòng chủ lưu áp sát gây xói lòng và lở chân đê, mái đê phía sông một số vị trí đã bị sạt trượt sâu vào thân đê gây mất ổn định tuyến đê (trong đó có khoảng 150m từ K3+450 - K3+600 bị sạt lở nghiêm trọng). Mặt đê hiện trạng thấp, thân đê nhiều đoạn cong và hang hốc, thường xuyên bị sạt lở mỗi khi mưa lớn.

Với nhiệm vụ và hiện trạng công trình nêu trên, việc đầu tư xây dựng công trình: Xử lý khẩn cấp đê tả sông Hoàng (đoạn K3+200 - K4+450), xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn là rất cần thiết và cấp bách, đáp ứng yêu cầu phòng chống lụt bão, ổn định đời sống của nhân dân và công trình đê điều, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trong vùng.

2. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

a) Sự phù hợp với quy hoạch:

Công trình Xử lý sạt lở và đắp hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Hoàng (đoạn K3+200 - K4+450), xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 và Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1590/QĐ-TTg ngày 09/10/2009 và Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007; phù hợp với Khung chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2008-2020 đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành tại Quyết định số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 05/09/2008; phù hợp với Nghị quyết số 84/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Thanh Hoá ngày 07/12/2017 về việc Phê duyệt quy hoạch phòng, chống lũ các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; phù hợp với tổng thể thủy lợi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 17/6/2013.

Phù hợp với thực tế yêu cầu về cải tạo các công trình thủy lợi trên địa bàn của toàn vùng, toàn huyện.

b) Sự phù hợp với kế hoạch đầu tư:

Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

Phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân trong vùng, góp phần ổn định tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh trật tự xã hội của địa phương.

3. Mục tiêu đầu tư:

Công trình: Xử lý sạt lở và đắp hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Hoàng (đoạn K3+200 - K4+450), xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn có nhiệm vụ đảm bảo an toàn cho 45ha diện tích đất nông nghiệp giao thông đi lại phục vụ sản xuất, cải thiện đời sống của nhân dân, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do lũ lụt gây ra; nhanh chóng đưa công trình vào phục vụ công tác phòng chống lụt bão trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

4. Quy mô đầu tư:

Hoàn thiện mặt cắt đê, gia cố mặt đê bằng cấp phối đá dăm loại 2, chiều dài L=1.250m.

Kè chống sạt lở bảo vệ mái đê với chiều dài 150m (đoạn từ K3+450 - K3+600) bằng thả cơ đá hộ chân và kè lát mái bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn.

Giải pháp kỹ thuật:

a) *Phần đê:* Tôn cao, mở rộng mặt đê và gia cố mặt đê bằng cấp phối đá dăm loại 2. Đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế chống lũ và giao thông đi lại, phục vụ sản xuất.

b) *Phần mái kè:* Đỉnh kè được gia cố bằng dầm bê tông cốt thép M250; thân kè được lát cấu kiện bê tông đúc sẵn kích thước (40x40x16)cm trong khung bê tông cốt thép, phía dưới là đá dăm dày 10cm và vải lọc ART-15 hoặc tương đương, hệ số mái kè m=2,0-2,5; dầm chân kè bằng bê tông cốt thép M250.

c) *Phần cơ đá hộ chân kè:* Kết cấu bằng đá hộ thả rời dưới nước, trên cạn đá xếp chèn chặt dày 30cm, mái cơ đá m=2,0.

5. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn để thực hiện dự án:

a. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 12.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ đồng*). Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 9.886.950.700 đồng;
- Chi phí QLDA: 291.755.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 1.091.322.537 đồng;
- Chi phí khác: 158.542.980 đồng;
- Chi phí dự phòng: 571.429.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

b. Nguồn vốn đầu tư và khả năng cân đối vốn: Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn vốn an toàn hồ đập và xử lý đê địa phương.

6. Dự kiến tiến độ thực hiện đầu tư: Năm 2022.

7. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế xã hội:

7.1. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội:

Khu vực công trình nằm gần khu dân cư nên vấn đề bảo vệ môi trường là hết sức cần thiết, trong quá trình thi công, phải thực hiện nghiêm túc theo biện pháp thi công được phê duyệt để ảnh hưởng ít nhất đến nguồn nước sông và sinh hoạt của nhân dân trong vùng phía hạ lưu sông.

Các hạng mục đầu tư của công trình không nhiều, nằm tập trung trên tuyến, thời gian thi công ngắn, nên các giải pháp phải đảm bảo các mục tiêu sau:

+ Che chắn bụi, mùi hôi hám, tiếng ồn, tiếng động mạnh, bức xạ nhiệt phát sinh trong quá trình xây lắp, vận chuyển, bốc xếp nguyên vật liệu và hoạt động của xe máy thi công.

+ Không phóng uế bừa bãi, xả các chất thải làm ô nhiễm nguồn nước, mặt đất và bầu không khí nói chung.

+ Hạn chế đến mức thấp nhất hoa màu đang trồng trên bãi của nhân dân.

+ Hoàn trả lại mặt bằng đối với khu vực sử dụng làm mặt bằng công trường, dọn dẹp các phế thải vật liệu, tháo dỡ lán trại, nhà kho, thu dọn vệ sinh mặt bằng trước khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

7.2. Hiệu quả đầu tư về kinh tế xã hội:

Công trình: Xử lý khẩn cấp đê tả sông Hoàng (đoạn K3+200 - K4+450), xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn được hoàn thành sẽ mang lại những giá trị to lớn trong việc đảm bảo an toàn cho 45ha diện tích đất nông nghiệp, an toàn tính mạng, tài sản của khu vực dân cư sống ngoài bãi sông và nhân dân địa phương; đồng thời góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo vệ đê điều, đáp ứng đầy đủ và kịp thời phục vụ công tác phòng chống lụt bão.

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

8.1. Hình thức quản lý thực hiện:

- Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn.
- Hình thức đầu tư: Xử lý khẩn cấp.
- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

8.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ đầu tư:

- Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

+ Đầu tư xây dựng theo nội dung dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt.

+ Phối hợp với các cơ quan chức năng để thống nhất quản lý xây dựng theo đúng quy định của pháp luật;

- + Sau khi đưa vào sử dụng có phương án quản lý hiệu quả, tiết kiệm.
- Quyền hạn của Chủ đầu tư:
 - + Được khiếu nại tố cáo khi bị người khác xâm phạm quyền quản lý dự án khi đang triển khai và sau khi đưa vào sử dụng;
 - + Có quyền yêu cầu các Chủ đầu tư khác thực hiện đảm bảo tiến độ của dự án, yêu cầu đình chỉ các nhà đầu tư khác làm sai quy định của pháp luật;
 - + Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

9. Kết luận và kiến nghị:

Qua phân tích đánh giá nêu trên, việc đầu tư xây dựng công trình là hết sức cần thiết và cấp bách nhằm đảm bảo an toàn cho 45ha diện tích đất nông nghiệp giao thông đi lại phục vụ sản xuất. Tạo điều kiện để nhân dân yên tâm sản xuất, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân. Góp phần ổn định tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa và trật tự an ninh xã hội trong vùng nói riêng và huyện Triệu Sơn nói chung.

UBND huyện Triệu Sơn báo cáo UBND tỉnh và các sở ngành liên quan xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở Tài chính; Kế hoạch; NN và PTNT (để thẩm định);
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Phú Quốc

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Công trình: Xử lý sạt lở và đắp hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Hoàng (đoạn K3+200
- K4+450), xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn
(Kèm theo báo cáo số /UBND-BC ngày / /2021 của UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi phí	Tỷ lệ %	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế
1	Chi phí xây dựng		8.988.137.000	898.813.700	9.886.950.700
2	Chi phí quản lý dự án	3,246%	291.754.927		291.755.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư XD		992.928.500	93.939.491	1.091.322.537
3.1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất,		290.000.000	29.000.000	319.000.000
3.2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%	8.700.000	870.000	9.570.000
3.3	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,825%	343.836.225	34.383.623	378.219.848
3.4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,361%	32.447.175	3.244.717	35.691.892
3.5	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	2,598%	233.511.799	23.351.180	256.862.979
3.6	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	4,072%	11.808.800	1.180.880	12.989.680
3.7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%	4.494.069	0	4.494.069
3.8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%	4.494.069		4.494.069
	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	Tạm tính	63.636.364	1.909.091	70.000.000
5	Chi phí khác		149.195.317	9.347.662	158.542.980
5.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 209/2016/TT-BTC)	0,019%	2.141.305		2.141.305
5.2	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 329/2016/TT-BTC)	1,040%	93.476.625	9.347.662	102.824.287
5.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư 10/2020/TT-BTC)	0,387%	43.577.387		43.577.387
5.4	Chi phí kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Tạm tính	10.000.000		10.000.000
6	Chi phí dự phòng				571.429.000
6.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5%			571.429.000
	Tổng cộng				12.000.000.000